

## THƯỜNG THỨC VẺ ĐẸP TIẾNG VIỆT QUA THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT NGÔN TỪ NGUYỄN TUÂN

NGUYỄN NGỌC CHINH<sup>\*</sup>,  
BÙI VŨ NGỌC DUNG<sup>\*\*</sup>, NGUYỄN NGỌC NHẬT MINH<sup>\*\*\*</sup>

### TÓM TẮT

*Xuất hiện trên văn đàn vào đầu thế kỉ XX, Nguyễn Tuân là một tên tuổi lớn của văn học Việt Nam hiện đại. Ông đã cống hiến cho nước nhà một sự nghiệp văn học đồ sộ với đỉnh cao là thế giới nghệ thuật ngôn từ mà ở đấy, người đọc có thể thưởng thức vẻ đẹp của tiếng Việt - ông yêu mến, tự hào gọi là “tiếng ta”. Trong cuộc đời văn chương của mình, Nguyễn Tuân đã dụng tâm xây dựng một thế giới nghệ thuật ngôn từ đa dạng, đầy màu sắc và luôn biến chuyển linh hoạt, thể hiện qua vốn từ vựng phong phú, những câu văn đầy sáng tạo và hệ thống các thủ pháp nghệ thuật.*

**Từ khóa:** Nguyễn Tuân, thế giới nghệ thuật ngôn từ, thủ pháp nghệ thuật.

### ABSTRACT

***Admiring the beauty of Vietnamese language through Nguyen Tuan’s world of word art***

*Emerging from the literary society early in the twentieth century, Nguyen Tuan became one of the great names of Vietnamese modern literature. He devoted to the country a huge collection of literature works, the peak of which is the art of his words where readers can ‘feel’ the beauty of Vietnamese—the one he loved and proudly called “our voice”. In his literary life, Nguyen Tuan made every effort to build up an artistic world of diverse, colourful and flexible words, which was expressed in a wide range of vocabulary, highly creative sentences and a system of figures of speech.*

**Keywords:** Nguyen Tuan, the world of word art, figures of speech.

### 1. Đặt vấn đề

Nguyễn Tuân là một nhà văn duy mỹ. Ông yêu say đắm cái đẹp, ngợi ca cái đẹp, tôn thờ cái đẹp. Theo ông, mỹ là đỉnh cao của nhân cách con người. Ông sẵn lòng cái đẹp không tiếc công sức. Ông tự nhận mình là một lữ khách lang thang đi tìm cái đẹp cho cuộc đời. Cái đẹp tựa như hơi thở, như nguồn sống trong các sáng tác của ông. Tuy nhiên, cái đẹp lọt vào “nhõn tuyến” của Nguyễn Tuân phải là

cái đẹp đã được đãi lọc rất kĩ lưỡng theo đúng gu thẩm mỹ của chàng Nguyễn. Đó có khi là một lối sống thanh cao, một khí phách cứng cỏi, một tài năng phi phàm, một đồ vật tuyệt kĩ, một hương vị thuần khiết, một cảnh sắc kì vĩ... Nhưng có lẽ, cái đẹp đã hút hồn và chiếm trọn trái tim ông không gì ngoài lời ăn tiếng nói của dân tộc, mà ông đã gọi một cách âu yếm, đầy tự hào: “tiếng ta”. Hiếm có nhà văn nào thổ lộ lòng yêu tiếng Việt một cách

<sup>\*</sup> PGS TS, Đại học Đà Nẵng

<sup>\*\*</sup> HVCH, Đại học Đà Nẵng

<sup>\*\*\*</sup> CN, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Đà Nẵng

nồng nàn như Nguyễn Tuân. Bởi ông thấu hiểu “ngôn ngữ là linh hồn (spirit) của dân tộc, ngôn ngữ phản ánh cách tư duy của mỗi dân tộc dùng nó” (Wilhelm Von Humboldt). Cho nên, ông đã kì công xây dựng một tượng đài nghệ thuật ngôn từ đặc sắc, mà qua đó người đọc có thể thưởng thức vẻ đẹp trong sáng và giàu có của tiếng Việt, để rồi nhìn ra bốn phương một cách đầy tự hào về tiếng mẹ đẻ của mình.

## 2. Nguyễn Tuân và cái làm nên thế giới nghệ thuật ngôn từ Nguyễn Tuân

Nguyễn Tuân (10/7/1910 – 28/7/1987) quê ở xã Nhân Mục (tên nôm là Mục), thôn Thượng Đình, nay thuộc phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội. Ông sinh trưởng trong một gia đình nhà Nho khi Hán học đã tàn. Nguyễn Tuân cầm bút từ khoảng đầu những năm 30, nhưng nổi tiếng từ năm 1938 với các tác phẩm tùy bút, bút kí có phong cách độc đáo như *Vang bóng một thời*, *Một chuyến đi...*. Sách giáo khoa hiện hành xếp ông vào một trong chín tác gia tiêu biểu của văn học Việt Nam hiện đại. Ông viết văn với một phong cách tài hoa, uyên bác và được xem là bậc thầy trong việc sáng tạo và sử dụng tiếng Việt.

Đối với Nguyễn Tuân, “nghề văn là nghề của chữ”. Một đời làm nghề văn, Nguyễn Tuân hiểu thấu đáo chất liệu mà mình dùng để sáng tạo văn học. Những lời “tán” tùy hứng, phóng túng nhưng thể hiện sự am tường rất sâu về “tiếng ta” cộng với sự “hành xử” chất liệu theo ý thích chủ quan của mình, phá tung mọi khuôn khổ của thể loại, làm nên những áng văn xuôi nhưng đậm chất thơ, truyện

đậm chất tùy bút, trong kí có yếu tố tiêu thuyết... Nguyễn Tuân đã hình thành nên một thế giới nghệ thuật ngôn từ đặc sắc.

Nguyễn Tuân quan niệm: “Viết văn là một sự khổ hạnh. Khổ hạnh chuẩn bị để có sự hiểu rộng rãi, một vốn liếng văn học cơ bản. Lại khổ hạnh kĩ lưỡng trong từng công việc cụ thể”. Cho nên, đọc những trang văn của ông, ta luôn thấy sự biến hóa trong hệ thống ngôn ngữ, linh hoạt trong cách sử dụng câu và tảo bạo, độc đáo khi sử dụng các thủ pháp nghệ thuật. Tất cả các yếu tố đó lại được đặt trên một cái nền vững chắc là nội lực của Nguyễn Tuân với vốn tri thức sâu rộng và sự dụng công đến mức cầu kì. Mọi thứ đều được ông nâng lên đến mức hoàn hảo nếu có thể.

## 3. Vẻ đẹp của tiếng Việt thể hiện qua thế giới nghệ thuật ngôn từ Nguyễn Tuân

### 3.1. Vốn từ vựng phong phú

#### 3.1.1. Hệ thống từ cổ, từ lịch sử

Trước Cách mạng tháng Tám, ta thấy một Nguyễn Tuân “ngông”, một Nguyễn Tuân tôn sùng chủ nghĩa xê dịch và một Nguyễn Tuân luôn hoài niệm quá khứ với những quá khứ tốt đẹp. Và *Vang bóng một thời* đã ra đời như một điều tất yếu. Với *Vang bóng một thời*, người đọc dễ dàng nhận thấy Nguyễn Tuân đã tái hiện một quá khứ đẹp đẽ với những con người “một thời vang bóng”. Để làm được điều ấy, ông đã chủ động sử dụng một hệ thống dày đặc các từ cổ và từ lịch sử. Chỉ với việc gọi tên các nhân vật thôi cũng đã gọi lên một không khí rất cổ kính. Những con người với những cái tên dường như chẳng còn thông dụng lắm

trong xã hội lúc bấy giờ đã đi vào văn Nguyễn Tuân với những gì cổ kính và trang nghiêm nhất. Những *cụ Thượng, cụ Tú, cụ Cử Hai, cụ Nghè Móm, ông Phó Sứ, cô Mộng Liên, Mộng Cầm, Mộng Huyền, chị Hoài* hay *Cúc tiểu muội...* đã để lại nơi người đọc những ấn tượng sâu sắc về một xã hội cổ xưa với những con người tài hoa và nho nhã. Nhiều từ mang dáng vẻ hơi xưa, nhưng nền nã cũng được sống lại dưới ngòi bút Nguyễn Tuân. Chẳng hạn, người chồng được ông gọi là *hôn phu*, người có tính trăng hoa ông lại dùng là *khách nguyệt hoa*, chỗ trú ngụ ông gọi là *trú sở*, khách nghệ sĩ thì là *tài tử...*, rồi vô số các từ cổ khác như: *khách hồng quần, di dưỡng, kiệu song loan...* đã khiến cho *Một ngày, một đêm cuối năm* thấm đẫm cái không khí cổ xưa của một đêm giao thừa trên đất khách mà Nguyễn Tuân là lữ khách cô độc “thiếu quê hương”. Bên cạnh hệ thống từ cổ, từ lịch sử, Nguyễn Tuân cũng tận dụng lớp từ vay mượn, đặc biệt là từ Hán – Việt vào trang văn của mình: *phiến trát* (công văn của cấp trên gửi xuống), *tên thập* (tên lính), *kiếng* (kếng), *hèo* (gậy) (*Chữ người tử tù*)...

Việc sử dụng đặc địa hệ thống từ cổ, từ lịch sử, từ vay mượn đã khiến cho ngôn từ trong tác phẩm của Nguyễn Tuân vừa phong phú, đa dạng, vừa mang một không khí trang nghiêm, hoài cổ, đưa người đọc về với những cảnh, những người ở thời chỉ còn là “vang bóng”. Không những thế, nó còn thể hiện ý thức giữ gìn vốn từ vựng của dân tộc. Qua bàn tay nhào nặn của ông, chúng trở nên sống động và lung linh hơn, khiến người đọc

bỗng giật mình nhận ra rằng hơn bao giờ hết cần bảo tồn những từ ngữ ấy như một minh chứng cho lịch sử hùng hồn và vẻ vang của dân tộc.

### 3.1.2. Hệ thống từ ngữ liên ngành

Nguyễn Tuân không chỉ tài hoa trong lĩnh vực văn chương mà còn rất uyên bác trên nhiều lĩnh vực. Sự uyên bác đó đã được thể hiện qua việc ông vận dụng rất nhiều thuật ngữ liên ngành trong các tác phẩm của mình. Đặc biệt trong bút kí, ông đã sử dụng một cách dày đặc các từ ngữ thuộc các ngành khoa học tự nhiên. Ví dụ như trong bài *Đất cũ Sơn La* có các từ ngữ thuộc ngành địa chất như: *khảo sát, cọc đo, cuộn thùng, phao bơi, búa thăm dò đá núi, đèn bão, thước mica, máy kinh vĩ, khoáng chất* và các từ thuộc ngành địa lí như: *tả ngạn, hữu ngạn, nội địa, thượng nguồn, hạ nguồn, chi lưu...*

Còn trong *Một bài thơ Đường* là sự xuất hiện những từ ngữ đậm chất xây dựng: *cây bê-tông, béc cốp-pha, máy dũi, máy bơm, tuyết-bin thủy điện, cốp-pha bê-tông, xi-măng, cuộn ri-coóc-đơ...*

Qua đây, ta thấy những thuật ngữ khoa học dường như chỉ để dành cho từng phân ngành đã được ông sử dụng một cách khéo léo và tài tình. Các từ ngữ khoa học vốn khô khan nhưng khi đi vào văn, vào kí Nguyễn Tuân bỗng trở nên uyển chuyển và có duyên đến lạ thường.

Không chỉ chú trọng đến việc dùng các từ ngữ khoa học nhằm tăng tính thuyết phục và sự chính xác cao mà ở văn chương Nguyễn Tuân ta còn bắt gặp một thế giới đầy màu sắc của hội họa, những đường nét chạm trổ tinh xảo của điêu khắc. Không ở đâu mà ta có thể bắt gặp

một công trình điêu khắc sống động hơn thế này: “*Lãnh Út – nước mắt vận chuyển hết vào nội tâm thành một niềm tư tưởng im lặng ghê lạnh – chống tay vào cằm, ngậy sừng như đất tượng nung... mắt mở to, mi không chớp lấy một lần*” (*Tâm sự nước độc*). Con người ở đây hiện ra thật sống động, sừng sững như một bức tượng đá được chạm khắc bởi chất liệu ngôn từ nghệ thuật của một bàn tay thành thực và tinh xảo lạ thường, hay đó là sự kết hợp khéo léo giữa đường nét, màu sắc của hội họa và sự tái hiện tinh tế, sống động của điện ảnh trong *Chữ người tử tù*. Cả truyện như một thước phim quay chậm, từ từ, lần lượt tái hiện từng sự kiện quan trọng: những tấm lụa trắng, mực thơm cho đến tường đầy mạng nhện, tổ rệp, đất bừa bãi phân chuột, phân gián... Và đoạn văn miêu tả cảnh cho chữ đặc sắc đầy chất tạo hình và điện ảnh đã góp phần làm sáng tỏ thêm nhận định: Nguyễn Tuân là một trong những bậc thầy về ngôn ngữ dân tộc, đồng thời cũng khẳng định thêm sự phong phú, chính xác về kiến thức lịch sử, văn hóa, xã hội..., năng lực quan sát lọc lõi và trí tưởng tượng mạnh mẽ, bay bổng của ông.

Sự uyên bác của một cái tôi tự do và “hay đi” đã khiến cho “trong mọi tác phẩm của Nguyễn Tuân, không có ngôn ngữ nào khác ngoài ngôn ngữ của anh chàng Nguyễn” (Phan Ngọc).

### 3.1.3. Hệ thống từ mới

Nguyễn Tuân là người có ý thức cao trong việc bổ sung vào tiếng Việt những từ mới. Ông đã tạo ra từ mới hoặc đưa đến cho từ cũ những sắc thái ý nghĩa

mới. Mấy nghìn năm nay, người Việt chỉ quen nói thác nước, đến tác phẩm của Nguyễn Tuân thì xuất hiện hàng loạt từ ngữ chưa từng có trước đó: *ải nước, đám thác nước, nhà ga nước, ổ gà nước...*

Đáng kể nhất là những tìm tòi sáng tạo của Nguyễn Tuân về cách nói. Ông gọi thuốc Lào là *cỏ trương tư*, trí thức là *bọn bán óc*, thơ lục bát là *cách nói sáu tám*, chết được gọi là *mạch sống đứt phứt*, đưa năm được dùng thay cho tiền năm cũ, tàu hỏa thành *ô-tô ray*, đèn pha ô-tô được gọi là *con mắt điện...*

Thêm vào đó, khắp trang viết của Nguyễn Tuân, đâu đâu ta cũng bắt gặp những lối diễn đạt độc đáo, sáng tạo: *đỉnh đá, giương đá, thảm đá vĩ đại, cấp đá, lưỡi đá,...*; những cụm từ bốn âm tiết kết cấu bền chặt: *vía quặng mỏ kim, mỏ quặng mỏ kim, tìm vàng tìm quặng, ở rừng đi núi, hết ghènh hết thác, hết cả đậm đà...*

Bằng sự thông kê và bằng ngữ cảm khá tinh tế, Nguyễn Tuân đã kê khai những từ mở ra bằng phụ âm kép KH (KH):

*Khé - khè - khan - kham - khỏ - khối - kheo - khí (hư) - khử - khùng - khuy - khướt - khấu - khớ - khem - khóa - khén (xém) - khòn (kêch, sớ) - kê - khùng - khảy - khích - khú - khịt - khoáng - khoét - khiền - khều...*

*Khụt khịt - khặc khừ - khặc khữ - khắp khiễng - khò khè - khùng khiếp - kheo khư - khinh khỉnh - khươm lươm - khi khu - khéo khi...*

Theo ông: “Khi lọc qua được cái bảng phụ âm kép trên đó thì tôi có cái ấn tượng là phụ âm kép KH hay nhân mạnh

vào khía cạnh tiêu cực của những biểu hiện sự sống, thông qua tiếng nói của lớp lớp thế hệ lao động nước ta và thông qua kí hiệu của văn tự Việt Nam” và ông khẳng định “...nghe đến những từ âm từ *khai, khú, kháng, khảm, khấn, khai mò, khảm làm lăm, khét lèn lết* người Việt Nam yêu nước chân chính nào (yêu hiểu theo nghĩa cơ bản yêu tiếng nói dân tộc và ngôn ngữ văn tự mình) mà không nổi da gà lên, mà da mình không nổi gai lên. Ấy là sự kì diệu của ngôn ngữ”.

Sáng tạo từ mới không phải là những phút ngẫu hứng của Nguyễn Tuân mà đó là quá trình lao động nghệ thuật miệt mài, một sự “khổ hạnh” thật sự. Đây cũng chính là “bí thuật” mà ông ưa dùng để làm giàu thêm vốn từ và cũng để thay đổi “thực đơn” cho người thưởng thức.

### 3.2. Những câu văn mang đầy tính sáng tạo

Nguyễn Tuân luôn mong muốn có thể “xây cao thêm cái lâu đài ngôn ngữ dân tộc lung linh diễm lệ”. Dường như với hơn nửa đời người cầm bút của mình, ông đã làm được điều đó. Không những cung cấp vào kho từ vựng của dân tộc một hệ thống từ phong phú mà “người thợ hoàn kim của chữ” ấy còn viết nên những câu văn giàu âm thanh, giàu nhạc điệu với nhịp điệu trầm bổng, hài hòa ngân vang mãi trong lòng người đọc như những áng thơ trữ tình, mượt mà, êm ái. Dường như câu tiếng Việt có bao nhiêu kiểu cấu trúc thì có thể tìm thấy bấy nhiêu kiểu trong văn ông.

Mĩ cảm của ông bộc lộ rõ ở nhịp điệu cấu trúc câu văn mà ông dụng ý tạo nên. Khi viết về dĩ vãng xa xăm trong

*Vang bóng một thời*, Nguyễn Tuân thường tạo cho câu văn có nhịp điệu đỉnh đặc, thông thả, từ tốn, đọc vội cứ tưởng như rề rà, diễn đạt quá ư cầu kì. Nhưng đọc kĩ và nghiền ngẫm mới thấy được nhịp điệu cũng như kết cấu câu văn Nguyễn Tuân có hiệu quả không nhỏ góp phần gợi không khí và nhạc điệu cho câu văn. Mỗi câu văn như từng nốt nhạc lúc trầm lúc bổng, tạo âm hưởng nên thơ, mơ mộng ngân vang mãi: “*Thuyền tôi trôi trên sông Đà. Cảnh ven sông ở đây lặng tờ. Hình như từ đời Lý, đời Trần, đời Lê, quãng sông này cũng lặng tờ đến thế thôi. Thuyền tôi trôi qua một nương ngô nhú lên mấy lá ngô non đầu mùa. Mà tịnh không một bóng người. Cỏ gianh đồi núi đang ra những nõn búp. Một đàn hươu cúi đầu ngón búp cỏ gianh đẫm sương đêm. Bờ sông hoang dại như một bờ tiền sử. Bờ sông hồn nhiên như một nỗi niềm cổ tích ngày xưa.*” (Người lái đò sông Đà). Với việc sử dụng 61 thanh bằng bên cạnh 34 thanh trắc đã khiến cho lời văn mượt mà, nhẹ nhàng như lời thơ. Nó khiến người đọc hình dung ra cái hoang sơ, tĩnh lặng, cổ kính của khúc sông thượng nguồn sông Đà.

Đặc biệt, trong văn Nguyễn Tuân, chúng ta còn thấy xuất hiện khá nhiều những câu văn xuôi nhịp ba như những nhịp thơ, có thể tạo nên những câu thơ hay và giàu sức gợi. Trong truyện ngắn *Chén trà sương* có những câu văn cho người đọc cái cảm giác như đó là ba dòng thơ được ngắt nhịp một cách linh hoạt để thể hiện tình cảm của tác giả:

“Những hòn than cháy đều, màu đỏ ửng,

có những trầ lửa xanh lè vờn quanh”

Hay:

“Hòn lửa rất ngon lành trở nên một khối đỏ tươi

và trong suốt như thời vàng đỏ tươi”.

Bên cạnh đó, sáng tạo của Nguyễn Tuân còn thể hiện qua việc ông sử dụng những câu văn “co duỗi” một cách linh hoạt. Có khi là những câu văn ngắn, dồn dập như: “*Một tiếng loa. Một tiếng trống. Ba tiếng chiêng.*” (*Vang bóng một thời*), có khi là những câu văn dài khiến người đọc có cảm giác như đang được trải lòng mình giữa một khoảng không đang mở rộng dần, kéo dài mãi: “*Đọc theo con đường ở Phù Yên đang rộng ra, đang dài ra thêm mãi ra và thẳng duỗi ra, cuộc sống lao động tập thể đang cất lên cơ man là mái nhà mới, những ngôi nhà gianh, nhà nửa mới*”. Hay đó là những câu văn có cấu trúc trùng điệp để khắc họa đậm nét tính cách của sự vật và sự đa diện của hình tượng khiến người đọc có những xung đột thẩm mỹ thú vị, gọi liên tưởng đến nhiều tầng nghĩa khác nhau qua sự mở rộng tối đa những bổ, vị ngữ: “*Nghĩ đến đây, thầy Lý không dám giữ đầu mình cho thẳng thắn, chỉ muốn cúi mặt mình xuống đất, hết nhìn đôi ủng da tây của quan Phủ, đôi guốc kinh của ông Đề và đôi bàn chân lấm của mình.*” (*Một vụ bắt rươi lậu*). Người đọc cảm nhận được lúc này thầy Lý là sự hóa thân của một sự sợ hãi, một hiện thân của một thân phận hèn mọn, thấp cổ bé họng.

Với vốn từ vựng phong phú,

Nguyễn Tuân đã biết khai thác tối ưu hiệu ứng âm thanh của tiếng Việt đơn âm tiết, nhưng lại đa thanh điệu, tạo cho câu văn giàu tính nhạc, mang âm hưởng chất thơ. Và tất cả đều được thể hiện bằng một giọng văn ngông nghênh, kiêu bạc của một con người suốt đời chỉ ưa “một lối độc tấu”.

### 3.3. Sử dụng linh hoạt các thủ pháp nghệ thuật

Nghệ thuật ngôn từ độc đáo của Nguyễn Tuân không chỉ thể hiện trong hệ thống từ vựng phong phú, trong câu văn sáng tạo mà còn được thể hiện rất rõ qua việc ông sử dụng linh hoạt các thủ pháp nghệ thuật.

#### 3.3.1. Thủ pháp so sánh, nhân hóa

Nguyễn Tuân đã vận dụng thủ pháp so sánh một cách độc đáo, sáng tạo. Ông ví mái tóc của chị Hoài như “*một trận mưa rào đen nhánh*” (*Tóc chị Hoài*), hay ví sông Đà như “*áng tóc trữ tình*” với “*đầu tóc chân tóc ẩn hiện trong mây trời Tây Bắc bung nở hoa ban hoa gạo tháng hai và cuồn cuộn khói núi Mèo đốt nương xuân*”. Nghệ thuật so sánh đã được mở ra tuyệt đối làm người đọc dường như không còn nhận ra đây là con sông nữa mà là một mỹ nhân đang làm duyên làm dáng với Tây Bắc. Thật gọi cảm biết bao!

Trong *Cô Tô*, ông sử dụng biện pháp này với mật độ dày đặc để miêu tả cho được cái màu xanh nước biển kì diệu: “*... Biển xanh như gì nhỉ? Xanh như lá chuối non? Xanh như lá chuối già? Xanh như mùa thu ngã cốm làng Vòng?... Nó xanh như cái màu áo Kim Trọng trong tiết thanh minh... nước biển xanh như cái vạt áo nước mắt của ông quan Tư Mã nghe đàn trên con sóng*

*Giang Châu... nó xanh như một màu áo cưới... nước biển chiều nay xanh như một trang sử của loài người*". Đến đây lòng ta bỗng tự hỏi nước biển Cô Tô xanh tự ngàn đời hay nước biển Cô Tô đẹp hơn, lung linh hơn, huyền bí và quyến rũ hơn dưới ngòi bút tài hoa của nhà văn họ Nguyễn ấy.

Bên cạnh đó, ông còn thành công trong việc sử dụng thủ pháp nghệ thuật nhân hóa. Nhiều trường hợp, ta có cảm giác nhà văn không nhân hóa mà trực tiếp biến những đối tượng vô tri vô giác thành nhân vật đầy cá tính:

- "*Thác sông Đà ác hơn nhiều đèo dốc đường số 6*"

- "*Cắt ăn da, đục thủng gan bàn chân người chở đò*"

- "*Dòng thác hùm beo đang hồng hộc té mạnh*"

Và nếu đám đá thác bày trùng vây thạch trận thì Nguyễn Tuân lại bày trùng vây so sánh, nhân hóa. Nhiều khi ta cảm thấy ông đã đạt đến đỉnh cao, không thể tiếp tục nhân hóa so sánh hay hơn nữa, vậy mà ngay sau đó, ông vẫn còn dần thêm vài ba nhịp văn, khiến ai cũng đều kinh ngạc trước trí tưởng tượng phong phú đến vô cùng của ông: "...*Thác rống lên như tiếng một ngàn con trâu mộng đang lồng lộn giữa rừng vầu tre nứa nổ lửa, đang phá tuông rừng lửa, rừng lửa cũng gầm thét với đàn trâu da cháy bùng bùng...*" (*Người lái đò sông Đà*). Chúng ta có thể thấy hiện tượng nhân hóa, so sánh trùng điệp thú vị này trong các tác phẩm khác như: *Tờ hoa*, *Sông Đà*, *Đất cũ Sơn La*...

### 3.3.2. Hoán dụ

Trong văn xuôi nghệ thuật, Nguyễn

Tuân là người thích tìm tòi những hoán dụ độc đáo. Từ chỗ có "đồng bằng", ông sáng tạo "đồng rừng", "đồng biển", "đồng mặn" và một loạt "huyện đảo, huyện rừng, huyện núi". Ông gọi tên nhân vật ở miền biển là *Nục*, *Thu*, anh *Trích*, anh *Chuồn*, gọi tên chị công nhân là "chị công nhân áo xanh nhớ nhà", gọi ¼ thế kỉ là "một góc thế kỉ chia tư"...

Nguyễn Tuân có hẳn một danh sách những hoán dụ độc đáo, vì ông không ưa cách nói quen thuộc sáo mòn, cho nên mỗi tên gọi được ông xoay vần mọi hướng, mọi chiều, chứ không chịu để yên một chỗ. Ông dung hoán dụ tưởng như dễ dãi nhưng thật kì công: "*Chỗ Nhật nộp vũ khí cho Tàu Trắng (Quốc Dân đảng) là ngay chỗ nghĩa trang liệt sĩ... Quân Pháp tiến vào có lính Tây thuộc địa, khổ đở cát-đem, tong-ki-noa... Mời đầu Tàu Trắng đồng ý. Nhưng sau đó vì vấn đề tiếp phẩm khó khăn, giành nhau quyền lợi trứng chuối, vịt gà, trâu lợn, thức ăn hằng ngày mà hai bên đã xin lẫn nhau tí máu và có những tiếng súng lẻ*" (*Sông Đà*).

### 3.3.3. Liệt kê tăng cấp

Nguyễn Tuân là nhà văn số một về tài liệt kê. Hãy nghe dãy âm thanh chào mời đò đưa gọi những cái thác ga nước trên sông Đà từ Vạn Yên đến xuôi: "*Thác Én - Thác Giăng - Bãi Chuối - Mỏ Sách - Bãi Lôi - Bãi Lanh - Mỏ Tôm - Mỏ Năng - Nảnh Kẹp - Quái Chuông - Tà Phủ - Bãi Nai - Ba Hòn Gươm - Phố Khũa - Ghênh Đồng - Suối Bạc - Ô Gà - Bãi Nhạp - Cánh Cuốn - Mèo Quen - Rang Miếng - Quần Cốc - Suối Trông - Bãi Ban,...*". Những cái tên lạ lùng và sao dữ dẫn đến thế! Không chỉ liệt kê địa

danh, ông còn chỉ ra những con số: “700 nhà pha, 400 khổ xanh, 200 khổ đỏ”. Đó là cảnh tù Sơn La, và qua con số, ta thấy được 700 tù nhân phải cõng trên thân xác 600 lính Nhật thì thật là khủng khiếp, hãi hùng.

Tóm lại, cho dù sử dụng thủ pháp nghệ thuật nào thì ở Nguyễn Tuân, ta luôn bắt gặp một sự sáng tạo, một nét tài hoa và khối kiến thức uyên bác đáng kính phục. Các thủ pháp nghệ thuật dưới ngòi bút điêu luyện của Nguyễn Tuân đã phát huy tích cực vai trò của mình, đồng thời ở chúng luôn có sự phối hợp nhuần nhuyễn để tạo ra những tác phẩm luôn sống cùng năm tháng.

### 3. Kết luận

Một phong cách độc đáo và tài hoa kết hợp một cái tôi luôn “thèm khát về sự trong sáng trong tiếng nói Việt Nam”, Nguyễn Tuân đã xây dựng nên một thế

giới nghệ thuật đa dạng và phong phú. Có lẽ, Nguyễn Tuân là người “Ngữ bất kinh nhân tử bất hưu” (chữ dùng không kinh người, chết không yên) (Đỗ Phủ). Ông luôn “khổ hạnh” trong lao động tìm lời, chuốt chữ, đặt câu... nhưng đó vừa là niềm “sung sướng đến chảy nước mắt ra đến nỗi có thể tưởng rằng mình sẽ chết ngay được nếu bị tước mất cái quyền viết” (*Võng ngô đồng*). Tất cả đều được ông kiểm chứng bằng chính những giác quan tinh nhạy: “Có những chữ, những tiếng mỗi lần vác trong kho dân tộc ra mà dùng cần phải gieo nó xuống, cần phải gỡ nó lên mà đo lại những vòng ngân vang hưởng của nó”. Chính vì vậy mà không tìm đâu xa, người đọc có thể thưởng thức được vẻ đẹp của tiếng nói dân tộc qua những trang văn Nguyễn Tuân. Qua thế giới nghệ thuật ngôn từ Nguyễn Tuân, tiếng Việt đã thăng hoa.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Huệ Chi, Trần Hữu Tá (2005), *Từ điển văn học*, Nxb Thế giới.
2. Hà Văn Đức (2001), *Lí luận, phê bình văn học miền Trung thế kỉ XX*, Nxb Đà Nẵng.
3. Nguyễn Thị Hồng Hà (2011), *Đặc trưng tùy bút Nguyễn Tuân*, Nxb Văn học.
4. Nguyễn Đăng Mạnh (2000), *Nguyễn Tuân toàn tập*, Nxb Văn hóa Thông tin.
5. Tôn Thảo Miên (2002), *Nguyễn Tuân - Tác phẩm và dư luận*, Nxb Văn học.
6. Tôn Thảo Miên (2007), *Nguyễn Tuân - Về tác gia và tác phẩm*, Nxb Giáo dục.
7. Nguyễn Tuân (2004), *Tuyển tập Nguyễn Tuân*, Nxb Văn học.
8. Nguyễn Tuân (2007), *Sài Gòn tổng Mĩ - văn chương một thời để nhớ*, Nxb Văn học.
9. Nguyễn Tuân (2009), *Tàn đèn dầu lạc*, Nxb Văn học.
10. Nguyễn Anh Vũ (2012), *Nguyễn Tuân - Tác phẩm và lời bình*, Nxb Văn học.
11. <http://www.lrc.ctu.edu.vn/pdoc/46/21.pdf>
12. [http://khoavanhocngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com\\_content&view=article&id=2724%3Ach-nghe-duy-m-trong-truyn-ngn-ca-akutagawa-va-nguyn-tuan&catid=64%3Avn-hc-nc-ngoai-va-vn-hc-so-sanh&Itemid=108&lang=vi](http://khoavanhocngonngu.edu.vn/home/index.php?option=com_content&view=article&id=2724%3Ach-nghe-duy-m-trong-truyn-ngn-ca-akutagawa-va-nguyn-tuan&catid=64%3Avn-hc-nc-ngoai-va-vn-hc-so-sanh&Itemid=108&lang=vi)

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 12-02-2014; ngày phản biện đánh giá: 12-3-2014;  
ngày chấp nhận đăng: 14-7-2014)